

Số: 29 /CBTT-BSGHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel(+84).4. 3765 3338 Fax: (+84).4.3 765 3336
- Email: info@sabecohanoi.com.vn Website: www.sabecohanoi.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 1;
BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 19/04/2024 tại đường dẫn: <http://www.sabecohanoi.com.vn/tin-co-dong/thong-tin-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 3/2023.
- Văn bản giải trình.



Đại diện tổ chức

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

BIA SÀI GÒN -
HÀ NỘI

VƯƠNG THỪA ĐẠI

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý 1 năm 2024

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0102314051
0102314051

ngày 6 tháng 7 năm 2007
ngày 29 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Đinh Văn Thuận
Ông Lê Viết Quý
Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền
Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý
Ông Nguyễn Văn Biên
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

07
07
07
07

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		408.449.150.301	389.282.044.442
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.371.607.930	209.648.112.355
Tiền	111		6.371.607.930	10.848.112.355
Các khoản tương đương tiền	112			198.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		318.400.000.000	89.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		318.400.000.000	89.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.654.792.407	32.769.441.876
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		21.038.605.488	30.277.728.093
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		573.385.199	360.451.991
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.042.801.720	2.131.261.792
Hàng tồn kho	140		58.833.256.872	55.866.140.202
Hàng tồn kho	141		68.603.260.877	65.657.929.305
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.770.004.005)	(9.791.789.103)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.189.493.092	1.898.350.009
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.120.648.574	1.852.822.827
Thuế phải thu Nhà nước	153		68.844.518	45.527.182
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		77.160.930.711	80.407.353.187
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		73.137.109.696	76.572.711.795
Tài sản cố định hữu hình	221		73.137.109.696	76.572.711.795
Nguyên giá	222		712.121.735.793	711.902.235.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(638.984.626.097)	(635.329.523.998)
Tài sản cố định vô hình	227			
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.411.941.589)	(1.411.941.589)
Tài sản dở dang dài hạn	240			
Xây dựng cơ bản dở dang	242			
Đầu tư tài chính dài hạn	250			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
Tài sản dài hạn khác	260		4.013.821.015	3.824.641.392
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.011.883.465	1.819.907.921
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.001.937.550	2.004.733.471

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	1/1/2024 VND
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		485.610.081.012	469.689.397.629
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		175.501.816.755	170.515.008.743
Nợ ngắn hạn	310		175.262.133.013	170.283.130.493
Phải trả người bán ngắn hạn	311		6.576.973.292	18.756.918.135
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.786.000	115.804.800
Thuế phải nộp Nhà nước	313		44.536.359.243	64.747.348.845
Phải trả người lao động	314		1.548.006.093	8.208.275.962
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.820.676.804	1.996.020.679
Phải trả ngắn hạn khác	319		8.759.361.094	24.775.210.224
Vay ngắn hạn	320		106.887.418.639	47.600.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.108.551.848	4.083.551.848
Nợ dài hạn	330		239.683.742	231.878.250
Dự phòng phải trả dài hạn	342		239.683.742	231.878.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		310.108.264.257	299.174.388.886
Vốn chủ sở hữu	410		310.108.264.257	299.174.388.886
Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.982.007.147	79.048.131.776
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.951.868.535	57.570.590.582
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.030.138.612	21.477.541.194
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		485.610.081.012	469.689.397.629

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc



Lê Việt Quý

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 02a - DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		129.996.566.935	118.890.191.012	129.996.566.935	118.890.191.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		129.996.566.935	118.890.191.012	129.996.566.935	118.890.191.012
4. Giá vốn hàng bán	11		119.671.495.423	107.306.633.339	119.671.495.423	107.306.633.339
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.325.071.512	11.583.557.673	10.325.071.512	11.583.557.673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.999.539.194	4.712.506.130	2.999.539.194	4.712.506.130
7. Chi phí tài chính	22		682.537.453	1.331.079.798	682.537.453	1.331.079.798
8. Chi phí bán hàng	25		538.296.179	449.714.067	538.296.179	449.714.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.348.646.666	4.229.279.979	4.348.646.666	4.229.279.979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.755.130.408	10.285.989.959	7.755.130.408	10.285.989.959
11. Thu nhập khác	31		3.400.925	34.406.764	3.400.925	34.406.764
12. Chi phí khác	32		509.175	168.640.000	509.175	168.640.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.891.750	(134.233.236)	2.891.750	(134.233.236)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.758.022.158	10.151.756.723	7.758.022.158	10.151.756.723
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.660.085.169	2.270.531.295	1.660.085.169	2.270.531.295
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.795.921	33.906.852	2.795.921	33.906.852
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.095.141.068	7.847.318.576	6.095.141.068	7.847.318.576

Người lập

Nguyễn Ngọc Hà

Nguyễn Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Thị Thanh Ngọc

Ngày 15 tháng 04 năm 2024



GIÁM ĐỐC
 Lê Việt Quy

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ vào ngày 31 tháng 03 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.758.022.158	10.151.756.723
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	3.655.102.099	3.786.998.874
Các khoản dự phòng	03	(13.979.606)	(169.534.262)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(2.999.539.194)	(4.694.294.730)
Chi phí lãi vay	06	682.537.453	1.331.079.798
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	9.082.142.910	10.406.006.403
Biến động các khoản phải thu	09	8.972.198.162	(2.495.918.023)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.945.331.572)	964.505.476
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(21.104.091.359)	(11.228.819.999)
Biến động chi phí trả trước	12	540.198.709	615.256.074
		(5.454.883.150)	(1.738.970.069)
Tiền lãi vay đã trả	14	(650.438.079)	(1.432.171.882)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.500.000.000)	(2.702.556.597)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.605.321.229)	(5.873.698.548)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(183.497.120)	(82.000.000)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(275.300.000.000)	(29.500.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	46.000.000.000	101.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.082.670.285	3.022.279.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(226.400.826.835)	74.740.279.937

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay	33	169.088.270.522	138.131.651.204
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109.800.851.883)	(207.991.732.877)
Tiền chi trả cổ tức	36	(26.557.775.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.729.643.639	(69.860.081.673)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(203.276.504.425)	(993.500.284)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	209.648.112.355	10.650.553.386
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6.371.607.930	9.657.053.102

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc



Lê Việt Quý

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	221.354.908	236.206.392
Tiền gửi ngân hàng	6.150.253.022	10.611.905.963
Các khoản tương đương tiền		198.800.000.000
	6.371.607.930	209.648.112.355

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/03/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	20.878.941.050	30.154.831.787
Các khách hàng khác	159.664.438	122.896.306
	21.038.605.488	30.277.728.093

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/03/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	20.878.941.050	30.154.831.787

Khoản phải thu thương mại không có đảm bảo, không hưởng lãi.